TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 19/2021/HNG§-ST
Ngµy 06-5-2021
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Anh Dũng
2. Ông Nguyễn Văn Kiểm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 343/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)*
Nơi cư trú: Thôn Sỏi Làng, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:*** *Anh Dương Văn H, sinh năm 1976 (vắng mặt)*
Nơi cư trú: Thôn Sỏi Làng, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 02/12/2020, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Dương Văn H kết hôn ngày 09/6/2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Sỏi Làng, xã Ngọc Lý. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống,

không hợp nhau, vợ chồng đánh nhau nhiều lần đã có chính quyền can thiệp khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7/2020, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Vợ chồng chị sống chung nhà, nhưng làm ăn kinh tế riêng, không còn quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Dương Mạnh Trường, sinh ngày 13/9/2011 và Dương Mạnh Đạt, sinh ngày 27/11/2012. Hiện hai con chung đang ở với chị và anh H, ly hôn chị nhận nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện nay chị đang làm nghề may, thu nhập hàng tháng trung bình từ 6-7 triệu đồng/tháng, công việc của chị làm giờ hành chính, không phải đi làm ca, chị xác định chị đủ điều kiện để nuôi cả hai con chung. Chị có nhà đất hiện nay đang ở mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên của vợ chồng. Chị xác định chị có đủ điều kiện về kinh tế và điều kiện chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và thay đổi giải quyết con chung với anh H, chị nhận nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Mạnh Trường, còn để anh H nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Mạnh Đạt.Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Dương Văn H là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh H đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh H về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh H không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa ngày 13/4/2021 anh H có mặt trình bày: Anh và chị T kết hôn ngày tháng năm nào anh không nhớ, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Sỏi Làng, xã Ngọc Lý. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng có cãi nhau và anh có đánh chị T nhưng chưa ai phải can ngăn, khuyên giải. Hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Thời gian vợ chồng ly thân anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị T có đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý, nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Dương Mạnh Trường, sinh ngày 13/9/2011 và Dương Mạnh Đạt, sinh ngày 27/11/2012. Hiện hai con chung đang ở với anh và chị T, ly hôn anh nhận nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Hiện nay anh đang làm nghề mộc tại nhà thu nhập khoảng 8-9 triệu/tháng, thời gian làm việc tại nhà, đảm bảo điều kiện và thời gian chăm sóc con. Hiện tại hai vợ chồng có nhà đất đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng anh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung của vợ chồng anh cho rõ ràng. Cụ thể anh yêu cầu chia tài sản gì thì anh không trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay anh Dương Văn H vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị T chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh H không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Dương Văn H.

Về con chung: Giao cho chị T nuôi dưỡng con chung là Dương Mạnh Trường, sinh ngày 13/9/2011 và giao cho anh H nuôi dưỡng con chung là Dương Mạnh Đạt, sinh ngày 27/11/2012. Vấn đề cấp dưỡng chị T, anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị T và anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Dương Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị T và anh H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh H có một thời gian đầu chung sống bình thường thì đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng có đánh nhau nhiều lần, chính quyền địa phương can thiệp nhưng anh H không thay đổi. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị T, chị xác định hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tòa án tiến hành giao, gửi các văn bản tố tụng cho anh H, thông báo hòa giải anh H cũng không đến để Tòa án hòa giải và không có ý kiến gì để bảo vệ quyền lợi cho mình. Tại phiên tòa ngày 13/4/2021 anh H có mặt trình bày vợ chồng anh có mâu thuẫn, có cãi vã nhau, anh có đánh chị T, anh xác định hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau nhưng anh không đồng ý ly hôn, nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị T, anh H có xảy ra đánh nhau, chính quyền địa phương có khuyên bảo. Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh H. Xét mâu thuẫn giữa chị T, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị T và anh H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Dương Mạnh Trường, sinh ngày 13/9/2011 và Dương Mạnh Đạt, sinh ngày 27/11/2012. Hiện nay các con chung đang ở với chị T, anh H. Ly hôn, tại phiên tòa chị T nhận nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Mạnh Trường, để anh H nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Mạnh Đạt, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện nay chị làm nghề may thu nhập khoảng 6-7 triệu đồng/tháng, làm việc giờ hành chính, có nhà đất, đảm bảo điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi con. Tại bản tự khai của cháu Trường, cháu Đạt có nguyện vọng xin được ở với mẹ, các cháu ở với mẹ được học hành và phát triển bình thường. Tại phiên tòa ngày 13/4/2021 anh H trình bày nhận nuôi con 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cho anh, anh đang làm nghề mộc thu nhập khoảng 8-9 triệu/tháng, có thời gian và điều kiện đảm bảo nuôi con. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cả chị T và anh H trình bày đều có thu nhập, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, các con chung đang ở với chị T, anh H phát triển bình thường, anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và

chị T cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung nên cần giao cho chị T, anh H mỗi người nuôi dưỡng một con chung cũng là đảm bảo về điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung của cả hai bên. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng 01 con chung của chị T và giao cháu Trường cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đạt cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Trường, cháu Đạt. Sau khi ly hôn, chị T, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T, anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T, anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Quá trình giải quyết vụ án chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh H tại phiên tòa ngày 13/4/2021 đề nghị xem xét giải quyết tài sản chung nhưng không nêu cụ thể là tài sản gì và quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án anh H không yêu cầu, tại phiên tòa anh H mới có yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Dương Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng 01 con chung là Dương Mạnh Trường, sinh ngày 13/9/2011 và giao cho anh Dương Văn H nuôi dưỡng 01 con chung là Dương Mạnh Đạt, sinh ngày 27/11/2012. Chị Nguyễn Thị T, anh Dương Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T, anh Dương Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T, anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000134 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân